

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **102/2020/DS-ST**
Ngày 08-6-2020
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thắng.

2. Bà Trần Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Long T – sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N – sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1/ Anh Nguyễn Thanh T – sinh năm 1974;

2/ Chị Nguyễn Thị Ngọc T – sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N, chị T có mặt tại phiên tòa;

Anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Trần Long T trình bày:

Vào ngày 12/11/2018 âm lịch, anh T và anh T, chị T có tổng kết các khoản nợ mà anh T, chị T đã vay của anh T trước đó, tính đến ngày 12/11/2018 âm lịch thì anh T, chị T còn nợ anh T số tiền 70.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận tính lãi suất 01%/tháng và anh T, chị T thỏa thuận trong vài tháng sẽ trả tiền vốn. Anh T, chị T có viết biên nhận nợ và giao 02 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 20756 đối với thửa đất số *, tờ bản đồ số *, diện tích 500m², đất tại ấp B, xã T, huyện G do chị T đứng tên và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 0487/QSDĐ/1398 đối với thửa đất số *, diện tích 1.000m², đất tại ấp B, xã B, huyện C do anh T đứng tên.

Hiện nay, anh T và chị T vẫn còn nợ anh T số tiền vốn là 70.000.000 đồng. Nay anh T khởi kiện yêu cầu anh T, chị T trả số tiền vốn còn nợ là 70.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 01%/tháng, tính từ ngày 12/11/2018 cho đến ngày Tòa án xét xử, số tiền lãi tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện 03/12/2019 là 16.100.000 đồng, yêu cầu trả vốn và lãi làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Anh T sẽ trả bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T, chị T ngay khi anh T, chị T trả tiền cho anh T.

* Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Anh T, chị T thừa nhận vợ chồng anh chị còn nợ anh T số tiền 70.000.000 đồng, biên nhận nợ đề ngày 12/11/2018 là do anh T viết và vợ chồng anh chị đã ký tên. Nay vợ chồng anh chị đồng ý trả cho anh T số tiền 70.000.000 đồng làm 01 lần, còn tiền lãi thì vợ chồng anh chị không đồng ý, đồng thời vợ chồng anh chị yêu cầu anh T trả lại cho vợ chồng anh chị bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh T đang giữ.

*** Tại phiên tòa:**

- Chị N đại diện ủy quyền của anh T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đòi anh T, chị T trả cho anh T số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày viết biên nhận nợ ngày 12/11/2018 âm lịch cho đến ngày Tòa án xét xử là 17 tháng với lãi suất 01%/tháng, số tiền lãi là 11.900.000 đồng, yêu cầu trả vốn và lãi làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Anh T tự nguyện trả 02 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 20756 đối với thửa đất số *, tờ bản đồ số *, diện tích 500m², đất tại ấp B, xã T, huyện G và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 0487/QSDĐ/1398 đối với thửa đất số *, diện tích 1.000m², đất tại ấp B, xã B, huyện C cho anh T, chị T ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn chị T trình bày: Vợ chồng chị còn nợ anh T số tiền 70.000.000 đồng. Số tiền này là do anh T cho vợ chồng chị vay để trả nợ Ngân hàng nhằm mục đích lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp Ngân hàng để làm thủ tục sang tên cho anh T đứng tên phần đất anh T nhận chuyển nhượng của vợ chồng chị. Nay vợ chồng chị đồng ý trả cho anh T tiền vốn 70.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của anh T, nhưng trả 01 lần trong thời gian này thì không khả năng, chị yêu cầu anh T cho trả vốn và lãi trong hạn 04 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh T khởi kiện yêu cầu anh T, chị T trả số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 12/11/2018 cho đến ngày Tòa án xét xử, với mức lãi suất 01%/tháng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Đối với bị đơn anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh T vắng mặt không tham dự phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện anh T yêu cầu anh T, chị T trả số tiền vốn vay còn nợ là 70.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, anh T và chị T thừa nhận vợ chồng anh chị còn nợ anh T số tiền 70.000.000 đồng, biên nhận nợ đề ngày 12/11/2018 mà anh T cung cấp cho Tòa án là do anh T viết và vợ chồng anh chị đã ký tên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh T yêu cầu anh T, chị T trả số tiền vay 70.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T đối với anh T, chị T.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa chị N đại diện ủy quyền của anh T yêu cầu anh T, chị T trả tiền lãi cho anh T đối với số tiền trên theo mức lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 12/11/2018 âm lịch cho đến ngày Tòa án xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa anh T và anh T, chị T đã tự thỏa thuận mức lãi suất 01%/tháng, mức lãi suất hai bên thỏa thuận phù hợp với quy định pháp luật và trong quá trình vay anh T, chị T đã không trả lãi theo thỏa thuận nên anh T, chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi. Do đó, anh T yêu cầu anh T, chị T trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận 01%/tháng là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu tính lãi của anh T đối với anh T, chị T. Số tiền lãi anh T, chị T phải trả là $70.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{tháng} \times 17 \text{ tháng} = 11.900.000 \text{ đồng}$.

[5] Về thời gian trả: Anh T yêu cầu anh T, chị T trả số tiền vốn và lãi làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu được trả số tiền nợ trong thời hạn 04 tháng, nhưng chị N đại diện ủy quyền của anh T không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy anh T, chị T nợ anh T trong thời gian dài đã gây ảnh hưởng đến quyền lợi của anh T. Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh T đòi anh T, chị T trả vốn và lãi làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 20756 đối với thửa đất số *, tờ bản đồ số *, diện tích 500m², đất tại ấp B, xã T, huyện G do chị T đứng tên và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH

0487/QSDĐ/1398 đối với thửa đất số *, diện tích 1.000m², đất tại ấp B, xã B, huyện C do anh T đứng tên. Hội đồng xét xử xét thấy, khi hai bên thỏa thuận vay, anh T, chị T đã giao bản chính 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên nhưng không có làm hợp đồng thế chấp và đăng ký thế chấp tại Cơ quan có thẩm quyền cho nên việc giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là để làm tin. Tại phiên tòa chị N đại diện ủy quyền của anh T trình bày, anh T đồng ý trả lại 02 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho anh T, chị T. Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện của anh T trả lại 02 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T, chị T là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về án phí: Anh T, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Long T đối với anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Ngọc T.

Buộc anh T, chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho anh T số tiền vốn là 70.000.000 đồng và tiền lãi là 11.900.000 đồng, thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T, chị T chậm trả số tiền nêu trên thì anh T, chị T còn phải trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2/ Ghi nhận sự tự nguyện của anh T trả lại 02 bản chính chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 20756 đối với thửa đất số *, tờ bản đồ số *, diện tích 500m², đất tại ấp B, xã T, huyện G do chị T đứng tên và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 0487/QSDĐ/1398 đối với thửa đất số *, diện tích 1.000m², đất tại ấp B, xã B, huyện C do anh T đứng tên cho anh T, chị T, thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

3/ Án phí: Anh T, chị T phải chịu 4.095.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại anh T số tiền 2.152.500 đồng tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai số 0016158 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

4/ Anh T, chị T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho anh T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự.
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Đào Oanh